

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 257/2023/DS-PT
Ngày 03-7-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thanh Trúc;
Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 tháng 6 và ngày 03 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 87/2023/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 139/2023/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2023/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 91/2023/QĐPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 24/2023/TB-TA ngày 09 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N3; địa chỉ: số B, đường L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội. địa chỉ liên hệ: số A, đường P, Phường D, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức Á – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Người đại diện của ông Trịnh Ngọc K: Ông Vũ Văn T – Chức vụ: Quyền Giám đốc Ngân hàng N3 – Chi nhánh G2 (Quyết định số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện hợp pháp của ông Vũ Văn T: Bà Nguyễn Thị Hà G – chức vụ: Cán bộ pháp chế (Văn bản ủy quyền số 554/GUQ-NHNoGD ngày 10/5/2023), có mặt.

- Bị đơn: Bà **Bùi Thị T1**, sinh năm 1946 (chết ngày 31/3/2017).

Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T1:

1. Bà **Đặng Thị Thanh T2**, sinh năm 1975;

2. Ông **Đặng Xuân N**, sinh năm 1999;

Cùng địa chỉ: **số E, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

3. Bà **Đặng Thị Anh T3**, sinh năm 1984;

4. Ông **Đặng Toàn C**, sinh năm 1989;

Cùng địa chỉ: **số A, đường B, tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

*Người đại diện hợp pháp của bà **Đặng Thị Thanh T2**, bà **Đặng Thị Anh T3**, ông **Đặng Toàn C**, ông **Đặng Xuân N**:* Ông **Nguyễn Bá T4**, sinh năm 1987; địa chỉ: **số A, lô G, khu dân cư M, phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/12/2018), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

5. Bà **Đặng Thị Anh T5**, sinh năm 1980; địa chỉ: **số G, H, B, WA, Australia.**

*Người đại diện hợp pháp của bà **T5**:* Bà **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1978, địa chỉ: **suối R, xã L, huyện C, tỉnh Đồng Nai**; địa chỉ liên hệ: phòng 303, **số A, N, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2018), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Đặng Thị Thanh T2**, sinh năm 1975, vắng mặt;

2. Ông **Đặng Xuân N**, sinh năm 1999, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: **số E, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương**

3. Bà **Đặng Thị Anh T3**, sinh năm 1984, vắng mặt;

4. Ông **Đặng Toàn C**, sinh năm 1989, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: **số A, đường B, tổ D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

5. Bà **Đặng Thị Anh T5**, sinh năm 1980; địa chỉ: **số G, H, B, WA, Australia.**

*Người đại diện hợp pháp của bà **T5**:* Bà **Phạm Thị Thanh H**, sinh năm 1978, địa chỉ: **suối R, L, C, Đồng Nai**; địa chỉ liên hệ: phòng 303, **số A, N, phường P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh** là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/9/2018), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

6. **Công ty TNHH X**; địa chỉ: **số C, Đại lộ B, phường P, thành Phố T, tỉnh Bình Dương.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Đặng Thị Anh T6** – Chức vụ: Giám đốc, vắng mặt.

7. Ông **Trần Thế H1**, sinh năm 1951;

8. Ông **Trần Thế H2**, sinh năm 1977;

9. Bà **Trần Thị Như Á**, sinh năm 1983;

10. Ông **Trần Quốc K1**, sinh năm 1988;

Cùng địa chỉ: **ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Như Á**, ông **Trần Quốc K1**: Ông **Nguyễn Bá T4**, sinh năm 1987; địa chỉ: **số A, lô G, khu dân cư M, Phường C, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/9/2020), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

11. Bà **Huỳnh Mai G1**, sinh năm 1960; địa chỉ: **tổ D, ấp C, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.**

Người đại diện hợp pháp của bà **Huỳnh Mai G1**: Ông **Ngô Đình N1**, sinh năm 1991; địa chỉ: **xã C, huyện P, tỉnh Bình Định**; địa chỉ liên hệ: **số B, đường N, Phường F, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2020), có mặt.

12. Công ty TNHH **A**, địa chỉ: **số C, Đại lộ B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

13. Công ty TNHH **T11**; địa chỉ: **số A, Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.**

- *Người kháng cáo*: người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Anh T3**; ông **Nguyễn Bá T4** là người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **Bùi Thị T1** gồm bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Toàn C**, ông **Đặng Xuân N** và cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Như Á** và ông **Trần Quốc K1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn **Ngân hàng N3** trình bày:

Ngày 30/12/2009, bà **Bùi Thị T1** có ký kết với **Ngân hàng N3 – Chi nhánh G2** (viết tắt là **Ngân hàng**) Hợp đồng tín dụng số 6400-LAV-200902274. Nội dung hợp đồng: thời hạn vay 12 tháng, số tiền vay 6.000.000.000 đồng, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng 12%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh 06 tháng một lần và sẽ được điều chỉnh theo lãi suất cơ bản của **ngân hàng N4**.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 02 quyền sử dụng đất theo Hợp đồng thế chấp ngày 24/12/2008: quyền sử dụng đất có diện tích 2.036,2m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại **khu A, ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương** do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 14/9/1996 cho bà **Bùi Thị T1** và quyền sử dụng đất có diện tích 123m² thuộc thửa đất số 68 (115), tờ bản đồ số 36-2 tọa lạc tại **khu A, phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương** do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 10/8/2004 cho hộ bà **Bùi Thị T1**.

Quá trình thực hiện hợp đồng, từ ngày 30/12/2009 đến ngày 30/9/2010, bà **T1** đã thanh toán được số tiền lãi là 580.666.666 đồng. Từ ngày 01/10/2010 đến nay, bà **T1** không thanh toán số tiền gốc và số tiền lãi cho ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo, làm việc với bà **T1**, bà **T1** đã cam kết trả nợ gốc, nợ lãi nhưng đến nay bà **T1** vẫn không thực hiện. Căn cứ vào Điều 2 của hợp đồng tín dụng hai bên đã ký, căn cứ vào Luật Tổ chức tín dụng và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc **Ngân hàng N4** thì Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa

án buộc bà **T1** thanh toán số tiền tạm tính theo đơn khởi kiện ngày 27/2/2012 với số tiền gốc 6.000.000.000 đồng, lãi trong hạn tạm tính từ ngày 01/10/2010 đến ngày 21/2/2012 là 1.402.500.000 đồng, lãi suất quá hạn tạm tính từ ngày 31/12/2010 đến hết ngày 21/2/2012 là 592.166.667 đồng. Trường hợp bà **T1** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp hai bên đã ký.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án do bà **T1** chết (ngày 31/3/2017) nên Ngân hàng yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà **T1** gồm bà **Đặng Thị Thanh T2**, bà **Đặng Thị Anh T5**, bà **Đặng Thị Anh T3**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ nêu trên. Trường hợp những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà **T1** không trả hoặc trả không đầy đủ nợ cho Ngân hàng thì yêu cầu được phát mãi tài sản bảo đảm là các quyền sử dụng đất nêu trên và các tài sản khác thuộc sở hữu của bà **T1** để thu hồi nợ.

*Bị đơn bà **Bùi Thị T1** trình bày:*

Bà **T1** có vay số tiền 6.000.000.000 đồng và có ký hợp đồng thế chấp 02 quyền sử dụng đất như Ngân hàng trình bày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà **T1** có thanh toán được cho Ngân hàng số tiền 580.666.666 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà **T1** thanh toán tiền gốc và tiền lãi thì bà **T1** đồng ý.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **Bùi Thị T1** đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **Đặng Thị Thanh T2**, bà **Đặng Thị Anh T3**, ông **Đặng Toàn C**, ông **Đặng Xuân N** và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Như A**, ông **Trần Quốc K1** thống nhất trình bày:*

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **T1** đồng thời những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **T2**, bà **T3**, ông **C**, ông **N**, ông **H1**, ông **H2**, bà **A** và ông **K1** không đồng ý. Bởi lẽ, hợp đồng tín dụng được ký giữa bà **T1** với Ngân hàng là không hợp pháp, trái pháp luật. Đề nghị Tòa án xem xét trách nhiệm của Ngân hàng trong việc đề cá nhân là bà **T1** đem tài sản chung của hộ gia đình và tài sản chung của vợ chồng để vay tiền. Từ đó, yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng tín dụng vô hiệu, các bên trao trả cho nhau những gì đã nhận, cụ thể là hai tài sản thế chấp.

*Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn là bà **Đặng Thị Anh T3** có đơn yêu cầu phản tố:*

Bà **Đặng Thị Anh T3** yêu cầu tuyên hủy tất cả các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa bà **T1** với Ngân hàng. Tuyên hủy biện pháp giao dịch đảm bảo đối với hai tài sản tranh chấp là hai quyền sử dụng đất. Bởi lẽ, bà **T1** ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp cả gia đình không ai biết, quy trình ký kết hợp đồng tín dụng là sai, cá nhân không thể dùng tài sản của hộ gia đình để vay vốn, khi tiến hành cho vay ngân hàng không tiến hành thủ tục thẩm định tài sản.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH X**:*

Công ty TNHH X do bà **Đặng Thị Anh T5** là người đại diện theo pháp luật làm đơn xin vắng mặt trong quá trình tố tụng. Lý do, **Công ty TNHH X** không liên quan gì đến vụ án này.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Anh T5** trình bày:*

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà **T5** không có bất kỳ ý kiến cũng như yêu cầu nào. Đồng thời, bà **T5** xin được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Huỳnh Mai G1** trình bày:*

Bà **G1** thống nhất với lời trình bày và ý kiến của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà **T2**, bà **T3**, ông **C**, ông **N**, ông **H1**, ông **H2**, bà **A** và ông **K1**; bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án chấp nhận ý kiến, yêu cầu phản tố của bà **T3**.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **Công ty TNHH A** và **Công ty TNHH T11**:*

Công ty TNHH A và **Công ty TNHH T11** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để có điều kiện tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quá trình giải quyết vụ án:

Ngày 14/6/2012, Ngân hàng với bà **Bùi Thị T1** thống nhất thỏa thuận bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2012/QĐST-KDTM. Theo nội dung thỏa thuận thì bà **T1** đồng ý thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 6.000.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 1.702.833.333 đồng và lãi quá hạn là 742.333.333. Ngoài ra, quyết định còn ghi nhận về lãi suất chậm trả và án phí.

Ngày 16/02/2016, Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương có Công văn số 202/CCThA kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2012/QĐST-KDTM ngày 14/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ngày 05/12/2017, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị tái thẩm số 01/QĐKN TT-VC3-KDTM với nội dung kháng nghị toàn bộ Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2012/QĐST-KDTM ngày 14/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Ngày 05/02/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giám đốc thẩm số 02/2018/KDTM-TT để hủy Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2012/QĐST-KDTM ngày 14/6/2012 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Theo nội dung của Quyết định giám đốc thẩm số 02/2018/KDTM-TT nhận định “Quyền sử dụng đất có diện tích 2.036,2m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại khu A, ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) **T**, thị xã (nay là thành phố) **T**, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 14/9/1996 cho bà **Bùi Thị T1** do vợ chồng bà **Bùi Thị T1** và ông **Đặng Văn T7** nhận chuyển nhượng trong thời kỳ hôn nhân nên là tài sản chung của vợ chồng bà **T1**, ông **T7**. Năm 2002, ông **T7** chết không để lại di chúc, phần di sản của ông **T7** là tài sản chung của bà **T1** và các con. Việc bà **T1** tự ý thế chấp cho Ngân hàng không có sự đồng ý của các con nên hợp đồng thế chấp tài sản không hợp pháp”.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng N3** đối với bà **Đặng Thị Thanh T2**, bà **Đặng Thị Anh T5**, bà **Đặng Thị Anh T3**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** về việc “Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

2. Buộc bà **Đặng Thị Thanh T2**, bà **Đặng Thị Anh T5**, bà **Đặng Thị Anh T3**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** trả cho **Ngân hàng N3** theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 6400-LAV-200902274 ngày 30/12/2009 tổng số tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến ngày 31/3/2017 là 13.175.301.370 đồng (trong đó nợ gốc là 6.000.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và quá hạn là 7.175.301.370 đồng) trong phạm vi di sản là $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 44, tờ bản đồ số 03 diện tích 2.036,2m² tọa lạc tại xã (nay là phường) **T**, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 129 QSDĐ/TA mang tên bà **Bùi Thị T1** do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 14/9/1996 và quyền sử dụng đất có diện tích 123m² thuộc thửa đất số 68 (115), tờ bản đồ số 36-2 tọa lạc tại **khu A, phường P**, thị xã (nay là **thành phố**) **T**, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 10/8/2004 cho hộ bà **Bùi Thị T1**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi bà **Đặng Thị Thanh T2**, bà **Đặng Thị Anh T5**, bà **Đặng Thị Anh T3**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** trả toàn bộ số nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho **Ngân hàng N3** thì **Ngân hàng N3** có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ của tài sản thế chấp gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 2.036,2m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại **khu A, ấp** (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) **T**, thị xã (nay là **thành phố**) **T**, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 14/9/1996 cho bà **Bùi Thị T1**; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 123m² thuộc thửa đất số 68 (115), tờ bản đồ số 36-2 tọa lạc tại **khu A, phường P**, thị xã (nay là **thành phố**) **T**, tỉnh Bình Dương do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 10/8/2004 cho hộ bà **Bùi Thị T1**.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà **Đặng Thị Anh T3** về việc yêu cầu hủy Hợp đồng tín dụng ngày 31/12/2009, hủy hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 68 (115), tờ bản đồ số 36-2 với diện tích 123m² tọa lạc tại **phường P, thành phố T** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03619 QSDĐ/H mang tên hộ bà **Bùi Thị T1** và hợp đồng thế chấp đối với thửa đất số 44, tờ bản đồ số 03 diện tích 2.036,2m² tọa lạc tại xã (nay là phường) **T**, thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 129 QSDĐ/TA mang tên bà **Bùi Thị T1** được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 14/9/1996.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2022, ông **Nguyễn Bá T4** là người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn gồm bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** và cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà

Trần Thị Như Á và ông **Trần Quốc K1** kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 17/10/2022, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Anh T3** có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kháng cáo có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và đề nghị giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm. Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” với bị đơn và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thanh toán khoản nợ theo hợp đồng tín dụng được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên nghĩa vụ phát mãi tài sản để đảm bảo thanh toán khoản nợ cho nguyên đơn là giải quyết chưa toàn diện, không đảm bảo thi hành án cho nguyên đơn.

Tài sản đảm bảo theo hợp đồng tín dụng giữa bà **T1** với nguyên đơn là thửa đất số 44, 168 là một phần trong khối di sản của bà **T1** để lại mà các đương sự (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **T1**) đang khởi kiện “Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế” tại vụ án dân sự thụ lý số 102/2019/TLST-DS ngày 18/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đang được xem xét giải quyết nên cần được nhận định và đánh giá chung trong quá trình giải quyết vụ án. Do bản án sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng, giải quyết chưa toàn diện nên kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn là có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông **Nguyễn Bá T4** là người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **Bùi Thị T1** gồm bà **Đặng Thị Anh T3**, bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** và cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Như Á** và ông **Trần Quốc K1**; bà **Phạm Thị Thanh H** là người đại diện hợp pháp của bà **Đặng Thị Anh T5** có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Toàn C**, ông **Đặng Xuân N**, bà **Đặng Thị Anh T3**, Công ty TNHH X, Công ty TNHH Á và Công ty TNHH T11 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] **Ngân hàng N3** khởi kiện bà **Bùi Thị T8** yêu cầu bà **Bùi Thị T1** thanh toán số tiền nợ gốc là 6.000.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 6400-LAV-200902274 ngày 30/12/2009 và tiền nợ lãi trong hạn, quá hạn trên số tiền nợ gốc theo quy định.

Trường hợp bà **Bùi Thị T9** không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng N3** được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất có diện tích 2.036,2m² thuộc thửa đất số 44, tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại **khu A, ấp (nay là khu phố) 3, xã (nay là phường) T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 129 QSDĐ/TA do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 14/9/1996 cho bà **Bùi Thị T1** và quyền sử dụng đất có diện tích 123m² thuộc thửa đất số 68 (115), tờ bản đồ số 36-2 tọa lạc tại **khu A, phường P, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 03619 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) Thủ Dầu Một cấp ngày 10/8/2004 cho hộ bà **Bùi Thị T1** theo Hợp đồng thế chấp ngày 24/12/2008.

[3] Như vậy, vụ án có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Quá trình tố tụng, giữa bà **T1** với Ngân hàng đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 20/2012/QĐST-KDTM ngày 14/12/2012 của Tòa án nhân dân thị xã (nay là **thành phố) T, tỉnh Bình Dương**. Đến ngày 05/02/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định giám đốc thẩm số 02/2018/KDTM-TT với nội dung hủy quyết định công nhận sự thỏa thuận nêu trên, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án. Trong trường hợp này, khi thụ lý lại vụ án thì quan hệ pháp luật vẫn là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại nhận định do bị đơn bà **Bùi Thị T1** là người tham gia ký kết hợp đồng tín dụng đã chết nên khi Ngân hàng khởi kiện yêu cầu những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **Bùi Thị T1** thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng là “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại” theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 là đã xác định sai quan hệ pháp luật.

[4] Do xác định sai quan hệ pháp luật nên dẫn đến Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phần tiền lãi trong hạn và quá hạn không theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà **T1** đã ký mà áp dụng Điều 357 với Điều 468 của Bộ luật Dân sự là không đúng. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, xử lý tài sản bảo đảm theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là thiếu sót, Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết không đảm bảo hai cấp xét xử theo quy định tại Điều 17 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Ngoài ra, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà **T1** đang “Tranh chấp về thừa kế tài sản” của bà **T1**; phần tài sản bảo đảm trong vụ án này những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng bà **T1** đang tranh chấp được Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý tại vụ án dân sự số 102/2019/TLST- DS ngày 18/12/2019 và **Ngân hàng N3** tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Như vậy, khi giải quyết lại vụ án, nếu xét thấy cần thiết thì Tòa án có thể xem xét nhập vụ án để xem xét, giải quyết vụ án được triệt để.

[6] Xét, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, áp dụng pháp luật không đúng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó, cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo trình tự sơ thẩm cho đúng quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án dân sự sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **Bùi Thị T1** đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Anh T3**.

2. Chấp nhận kháng cáo của ông **Nguyễn Bá T4** là người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **Bùi Thị T1** gồm bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N** và cũng là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Như Á** và ông **Trần Quốc K1**.

3. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 113/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà **Bùi Thị T1** là bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Toàn C** và ông **Đặng Xuân N**; người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn bà **Bùi Thị T1** đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Anh T3**; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Như Á** và ông **Trần Quốc K1** không phải chịu.

Hoàn trả cho bà **Đặng Thị Anh T3** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001949 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Hoàn trả cho ông **Đặng Toàn C** số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002141 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông **Nguyễn Bá T4** nộp thay).

Hoàn trả lại cho bà **Đặng Thị Thanh T2**, ông **Đặng Xuân N** mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002139 ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông **Nguyễn Bà T10** nộp thay).

Hoàn trả lại cho ông **Trần Thế H1**, ông **Trần Thế H2**, bà **Trần Thị Ái N2**, ông **Trần Quốc K1** mỗi người số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002140 ngày 02

tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông **Nguyễn Bà T10** nộp thay).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T;
- TAND thành phố T;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Mộng Tuyết